

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Phi Kbuôr

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Thế Hòa, bà Cù Thị Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 20/2023/TLST-HC ngày 16/01/2023, về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐST-HC ngày 11/5/2023, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Hoài Q, sinh năm 1983; địa chỉ: số 79 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 22 Đ, thị trấn G, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Ngọc H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Tạ Văn T – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1964 và bà Trương Thị Thùy H, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Người làm chứng:** Bà Lê Thị H1, sinh năm 1940; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (đã từ chối tham gia tố tụng).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện trình bày:**

Năm 1980, bà Lê Thị H1, là mẹ đẻ của ông Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Tấn P, từ thành phố X đến huyện E, tỉnh Đắk Lắk để lập nghiệp. Thời điểm này, bà H1 có khai hoang một diện tích đất khoảng 10.000m<sup>2</sup> tại thôn T, xã D, huyện E để canh tác. Năm 1993, Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số B 912662 đối với toàn bộ diện tích đất trên cho ông Nguyễn Tấn P. Năm 1995, do tuổi cao, sức yếu nên bà H1 chia diện tích đất nêu trên thành 03 phần, trong đó chia cho ông P khoảng 3.000m<sup>2</sup>, bà H1 sử dụng khoảng 3.000m<sup>2</sup>; còn lại khoảng 4.000m<sup>2</sup> chia cho ông Q. Ông Q quản lý, sử dụng đất ổn định từ thời điểm đó đến nay không có tranh chấp gì. Sau này, ông Q có ý kiến với gia đình về việc tách thửa để ông Q được đứng tên trên GCNQSDĐ đối với phần đất mà mình trực tiếp quản lý, sử dụng thì mọi người trong gia đình không có ý kiến gì. Tuy nhiên, đến năm 2015, ông Nguyễn Tấn P làm thủ tục cấp đổi lại GCNQSDĐ đối với toàn bộ diện tích đất trên thì UBND huyện E lại tách thành 02 GCNQSDĐ là GCNQSDĐ số BX 448109 đối với thửa đất số 343, tờ bản đồ số 11 và GCNQSDĐ số BX 448110 đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11, tại xã D, huyện E, đều đứng tên ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Thu H.

Trên thực tế, diện tích đất hiện nay thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 theo GCNQSDĐ số BX 448110 do ông Nguyễn Thanh Q quản lý, sử dụng từ năm 1995. Nhiều lần ông Q yêu cầu ông P, bà H sang tên lại thửa đất nhưng ông P, bà H không đồng ý.

Vì vậy, ông Nguyễn Thanh Q khởi kiện tại Tòa án, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 448110 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 30/7/2015 cho ông Nguyễn Tấn P, bà Trương Thị Thùy H, đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 tại Thôn T, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, để cấp lại GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Thanh Q theo quy định pháp luật.

**Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:**

1. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục và thành phần hồ sơ đối với việc cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BX 448110 tại thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11:

- Về thẩm quyền cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX 448110 được cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 912662 do UBND huyện E cấp ngày 12/7/1993 cho ông Nguyễn Tấn P. Việc UBND huyện cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BX 448110 ngày 30/7/2015 (thời điểm chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk) cho ông Nguyễn Tấn P, tại thửa

đất số 342, tờ bản đồ số 11 là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 105 Luật Đất đai 2013 và khoản 2 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Về trình tự thủ tục: Được thực hiện đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đất đai 2013; Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Về thành phần hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Thành phần hồ sơ thực hiện việc cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BX 448110 là đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ địa chính. Cụ thể hồ sơ gồm có:

- Đơn đăng ký biến động ngày 19/6/2015 của ông Nguyễn Tấn P;
- Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/6/2015 của ông Nguyễn Tấn P;
- Đơn đề nghị tách thửa, hợp thửa đất ngày 19/6/2015 của ông Nguyễn Tấn P;
- Trích lục bản đồ địa chính số 2388/TL-VPĐKQSDĐ ngày 15/6/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E);
- Tờ trình số 2771/TTr-TNMT ngày 29/7/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E về việc cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Tấn P và bà Trương Thị Thùy H;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành B 192662, BX 448110;
- Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P, bà Trương Thị Thùy H trình bày:**

Năm 1980, bà Lê Thị H1, là mẹ đẻ của ông Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Tấn P, từ thành phố X đến huyện E, tỉnh Đắk Lắk để lập nghiệp. Thời điểm này, bà H1 có khai hoang một diện tích đất khoảng 10.000m<sup>2</sup> tại thôn T, xã D, huyện E để canh tác. Năm 1993, Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số B 912662 đối với toàn diện tích đất trên cho ông Nguyễn Tấn P vì lúc này ông P sống cùng bà H1 nên bà H1 đồng ý để ông P đứng tên GCNQSDĐ cho cả gia đình. GCNQSDĐ thể hiện 02 thửa đất, trong đó có thửa đất số 31a, tờ bản đồ 11 có diện tích hơn 4.800m<sup>2</sup> là diện tích đất ông P đứng tên nhận chuyển nhượng, thửa đất này nằm riêng biệt không giáp ranh với diện tích đất hiện các bên đang tranh chấp trong vụ án này.

Năm 1995, do tuổi cao, sức yếu nên bà H1 chia diện tích đất nêu trên thành 03 phần, trong đó chia cho ông P khoảng hơn 3.000m<sup>2</sup>, bà H1 sử dụng khoảng 3.000m<sup>2</sup>; còn lại khoảng hơn 3.000m<sup>2</sup> chia cho ông Q. Sau này, bà H1 chuyển nhượng phần đất của bà H1 cho ông P, bà H quản lý, sử dụng. Đến năm 2012, do gia đình phát sinh mâu thuẫn về đất đai nên bà Nguyễn Thị Kim Hoa, là vợ ông Q, xé GCNQSDĐ số B 912662; vì vậy, ông P làm thủ tục xin cấp lại GCNQSDĐ với toàn bộ diện tích đất theo GCNQSDĐ cũ trước đây và tách thành 02 GCNQSDĐ, cụ thể:

- GCNQSDĐ số BX 448109 đối với thửa đất số 343, tờ bản đồ số 11, bao gồm toàn bộ diện tích đất mà trước đây bà H1 đã cho, chuyển nhượng lại cho ông P, bà H.

- GCNQSDĐ số BX 448110 đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11, là diện tích đất mà ông Nguyễn Thanh Q được quyền quản lý, sử dụng.

Cả 02 GCNQSDĐ này đều được UBND huyện E cấp cho ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Thu H.

Ông P, bà H không có ý kiến về việc ông Q được bà H1 cho một phần diện tích đất theo GCNQSDĐ số BX 448110 đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11. Vào năm 2016 thì ông P, bà H đã giao GCNQSDĐ số BX 448110 đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 cho gia đình ông Q giữ.

Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, sử dụng thực tế thì ông Q tranh chấp về ranh giới với ông P, bà H. Diện tích ông Q đòi quyền sử dụng lớn hơn diện tích được cấp theo GCNQSDĐ đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11. Sau một thời gian phát sinh tranh chấp về ranh giới thì các bên đã thống nhất được ranh giới thực tế theo như hiện trạng mà Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ông P, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số BX 448110 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 30/7/2015 cho ông Nguyễn Tấn P, bà Trương Thị Thùy H, đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 tại Thôn T, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, để cấp lại GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Thanh Q theo quy định pháp luật.

Ông P, bà H đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác định lại đúng ranh giới diện tích đất mà ông Q được quyền quản lý, sử dụng theo GCNQSDĐ số BX 448110 thì lúc này ông P, bà H sẽ đồng ý sang tên lại GCNQSDĐ này cho ông Q.

**\* Quá trình tham gia tố tụng, người làm chứng bà Lê Thị H1 khai:**

Bà H1 là mẹ đẻ của ông Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Tấn P. Chồng bà H1 và là cha của ông Q, ông P là ông Nguyễn Văn Á đã mất năm 1968. Năm 1980, bà H1 dẫn các con là ông P, ông Q từ thành phố X đến huyện E, tỉnh Đắk Lắk để lập nghiệp. Thời điểm này, bà H1 có khai hoang một diện tích đất khoảng 10.000m<sup>2</sup> tại thôn T, xã D, huyện E để canh tác. Năm 1995, do tuổi cao, sức yếu nên bà H1 chia diện tích đất nêu trên thành 03 phần, trong đó chia cho ông P khoảng 3.000m<sup>2</sup>, bà H1 sử dụng khoảng 3.000m<sup>2</sup>; còn lại khoảng 4.000m<sup>2</sup> chia cho ông Q. Tuy nhiên, hiện nay, bà H1 được biết phần đất mà bà H1 cho ông Q đã

được Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 448110 ngày 30/7/2015 cho ông Nguyễn Tấn P, bà Trương Thị Thùy H, đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 tại Thôn T, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bên cạnh đó, có một phần lối đi chung nằm bên hông của thửa đất 10.000m<sup>2</sup> mà năm 1980 bà H1 đã khai hoang và sau này dùng làm lối đi chung, đi xuống phần đất của ông Q thì hiện nay ông P đã rào lại. Đây là lối đi chung đã sử dụng lâu nay. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Do tuổi cao, sức yếu, đi lại khó khăn nên bà H1 xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

***Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Q là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 448110 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 30/7/2015 cho ông Nguyễn Tấn P, bà Trương Thị Thùy H, đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 tại Thôn T, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; ông Nguyễn Thanh Q có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng đất và đúng với quy định của pháp luật về đất đai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người khởi kiện ông Nguyễn Thanh Q khởi kiện đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 448110 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 30/7/2015 cho ông Nguyễn Tấn P, bà Trương Thị Thùy H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính; căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 21/10/2022, UBND xã D tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Thanh Q với ông Nguyễn Tấn P thì ông Q biết rằng thửa đất 342, tờ bản đồ số 11 tại Thôn T, xã D đã được cấp GCNQSDĐ số BX

448110 cho ông P, bà H. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Q là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Căn cứ vào lời trình bày của ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Tấn P và bà Trương Thị Thùy H, lời khai của bà Lê Thị H1 (là mẹ của ông Q, ông P); căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2023, thì thửa đất số 342 tờ bản đồ số 11, tại thôn T, xã D do ông Nguyễn Thanh Q đang quản lý, sử dụng. Trên đất ông Q đã trồng cây cà phê, sầu riêng, tiêu và một số cây trồng khác.

Vợ chồng ông P, bà H cũng thừa nhận thửa đất số 342 tờ bản đồ số 11 là thuộc phần đất mà bà Lê Thị H1 (là mẹ đẻ của ông Q, ông P) đã phân chia cho ông Q vào năm 1995. Tuy nhiên, do ông Q đòi quyền sử dụng lớn hơn diện tích được cấp và ghi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 nên các bên mới phát sinh tranh chấp, vì theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 448110 đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 thì diện tích chỉ có 3.703m<sup>2</sup> nhưng diện tích thực tế mà ông Q đang quản lý, sử dụng là lớn hơn. Sau một thời gian phát sinh tranh chấp về ranh giới thì các bên đã thống nhất được ranh giới thực tế theo như hiện trạng mà Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ.

[2.2] Nhận thấy thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 tại thôn T, xã D, huyện Ea Hleo có nguồn gốc là do bà Lê Thị H1 (là mẹ đẻ của ông Q, ông P) tặng cho ông Nguyễn Thanh Q vào năm 1995. Ông Q canh tác, sử dụng đất này từ đó cho đến nay và chỉ phát sinh tranh chấp về ranh giới với vợ chồng ông P, bà H. Vợ chồng ông P, bà H cũng thừa nhận thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 là thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Q. Như vậy, việc UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 448110 ngày 30/7/2015 cho ông Nguyễn Tấn P, bà Trương Thị Thùy H là không đúng đối tượng sử dụng đất so với hiện trạng sử dụng đất.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 97 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho người có quyền sử dụng đất...”. Và căn cứ khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Q là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 448110 đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 tại thôn T, xã D, huyện Ea Hleo do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 30/7/2015 cho ông Nguyễn Tấn P, bà Trương Thị Thùy H.

Ông Nguyễn Thanh Q có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo hiện trạng sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.200.000 đồng và người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh Q tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã chi phí xong.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện ông Nguyễn Thanh Q không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; ông Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 97, điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Q.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 448110 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 30/7/2015 cho ông Nguyễn Tấn P, bà Trương Thị Thùy H, đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 11 tại thôn T, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Thanh Q có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng đất và đúng với quy định của pháp luật về đất đai.

[2] Về chi phí tố tụng: Chấp nhận việc người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh Q tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã chi phí xong.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh Q số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm do ông Phạm Hoài Q nộp thay theo biên lai số AA/2021/0022838 ngày 05/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Y Phi Kbuôr**